

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/DS-ST

Ngày 28/8/2018

V/v yêu cầu thực hiện nghĩa vụ
trả tiền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thương

2. Bà Lê Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Vỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nghiệp** - Kiểm sát viên.

Ngày 28/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2018/TLST-DS ngày 02/4/2018 về việc kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2018/QĐXXST-DS ngày 03/8/2018 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: **Trần Thị P** –sinh năm 1977. Địa chỉ cư trú: Thôn G, xã P, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền của bà P: ông **Trần Minh T**, sinh năm 1992. Địa chỉ cư trú: Thôn G, xã P, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị P1** – sinh năm 1955. Địa chỉ cư trú: Thôn G, xã P, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị P có ông **Nguyễn Ngọc C** – Luật sư văn phòng luật sư Tân Hòa. Địa chỉ: 20 đường N, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 19/3/2018 và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Minh T trình bày như sau:

Nguyên trước đây bà P có chơi biếu hụi do bà P1 cầm cái nhưng sau đó bẻ biếu nên bà P1 không chung biếu đầy đủ cho bà P nên sau khi đối chiếu nợ tiền biếu hụi xong thì bà P1 ký giấy nhận nợ và hẹn trả nợ. Việc chơi biếu hụi dẫn đến nợ nần này không liên quan gì đến ông Phan L (chồng bà P1). Căn cứ giấy nợ ngày 14/11/2015 có chữ ký của bà Trần Thị P và Trần Thị P1 thì bà P1 còn nợ bà P là 162.300.000 đồng, hẹn trong vòng 6 tháng kể từ ngày viết giấy nợ sẽ trả hết nợ nhưng đến nay bà P1 chưa trả cho bà P được đồng nào. Theo đơn khởi kiện thì bà P yêu cầu Tòa án buộc một mình bà P1 có nghĩa vụ trả cho bà P là 162.300.000 đồng nợ gốc và tiền lãi tạm tính từ ngày 15/5/2016 đến ngày 15/3/2018 là 33.807.000 đồng (22 tháng, lãi suất 10%/năm). Trong quá trình Tòa án giải quyết, hai bên đối chiếu tiền đã thanh toán thì bà P1 đã trả cho bà P 14.500.000 đồng nợ gốc. Tại phiên tòa hôm nay, bà P chỉ yêu cầu bà P1 trả 147.800.000 đồng nợ gốc. Bà P rút yêu cầu khởi kiện đối với 33.255.000 đồng tiền lãi (tính từ ngày 15/5/2016 đến ngày 15/8/2018 trên 147.800.000 đồng nợ gốc).

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị P1 trình bày như sau:

Tôi thừa nhận có cầm cái chơi biếu từ năm 2010, trong đó bà P có tham gia chơi cùng nhiều người khác. Những lần chơi biếu có bà P tham gia nhưng còn thiếu tiền biếu của bà P bao nhiêu thì sẽ trả cho bà P bấy nhiêu.

Tôi xác nhận đã trả cho bà P 14.500.000 đồng thì phải trừ vào nợ gốc. Tại phiên tòa hôm nay, bà P căn cứ giấy nợ ngày 14/11/2015 để đòi trả số tiền 147.800.000 đồng nợ gốc và rút yêu cầu khởi kiện đối với 33.255.000 đồng tiền lãi (tính từ ngày 15/5/2016 đến ngày 15/8/2018 trên 147.800.000 đồng nợ gốc) thì tôi đồng ý trả cho bà P 147.800.000 đồng nợ gốc, mỗi tháng trả 1.500.000 đồng cho đến khi hết nợ gốc. Việc chơi biếu hụi, nợ nần, khởi kiện này giữa bà P và tôi không liên quan gì đến chồng tôi là ông Phan L, tôi tự chịu trách nhiệm trả nợ cho bà P.

Đối với giấy chứng nhận QSD đất số BB339705 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 09/7/2010 thì ông Trần Minh T (em trai bà P) đang giữ và ông T cũng đang kiện tôi trong vụ án khác nên tôi không có yêu cầu gì.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị P - ông Nguyễn Ngọc C trình bày:

Thông nhất với ý kiến của ông T về việc rút yêu cầu khởi kiện đối với 33.255.000 đồng tiền lãi (tính từ ngày 15/5/2016 đến ngày 15/8/2018 trên 147.800.000 đồng nợ gốc) và chỉ yêu cầu một mình bà P1 đã trả cho bà P 14.500.000 đồng nợ gốc, không liên quan gì đến chồng bà P1 là ông Phan L.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo

pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị Tòa án căn cứ giấy nợ ngày 14/11/2015 và xác nhận nợ của các bên; áp Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là 33.255.000 đồng; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, buộc bà P1 trả cho bà P 147.800.000 đồng nợ gốc. Bà P1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ của vụ án: Đơn khởi kiện; giấy nợ ngày 14/11/2015; đơn xác nhận nơi cư trú; bản sao CMND và sổ hộ khẩu của bà P; giấy yêu cầu luật sư trợ giúp pháp lý; văn bản ủy quyền; bản tự khai ngày 17/4/2018 của bà P. Đơn kiến nghị ngày 16/4/2018 của bà P1; đơn xin ý kiến ngày 11/4/2018 của ông Phan L (chồng bà P1); bảng kê chi tiết tiền buu. Biên bản lấy lời khai của bà P1 ngày 28/6/2018.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết các bên đã thống nhất: các bên xác nhận nợ gốc là 147.800.000 đồng.

Tòa án triệu tập hợp lệ nguyên đơn, bị đơn, người bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và họ đều có mặt đầy đủ tại phiên tòa lần thứ hai, do đó Tòa án tiến hành xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án có đủ cơ sở nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xuất phát từ việc chơi biêu hui dẫn đến nợ nần nên giữa bà P và bà P1 phát sinh việc nợ tiền. Căn cứ giấy nợ ngày 14/11/2015 nên bà P kiện yêu cầu bà P1 thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo quy định tại Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự; các bên đương sự đều có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ giấy nợ ngày 14/11/2015 và xác nhận nợ của các bên thì Tòa án có cơ sở xác định: Tính đến ngày 28/8/2018, bà P1 còn nợ bà P 147.800.000 đồng tiền gốc nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà P1 không có khả năng thanh toán một lần. Việc bà P1 xin được trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi hết số nợ gốc là không thể chấp nhận được và cũng không được bà P chấp nhận. Do đó, căn cứ Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P đối với bà P1, buộc bà P1 phải có nghĩa vụ trả một lần cho cho bà P 147.800.000 đồng tiền gốc và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là 33.255.000 đồng mà nguyên đơn yêu cầu nhưng đã rút yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P nên bà P1 phải chịu 147.800.000 đồng $\times$ 5% = 7.350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà P 4.902.675 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 6343 ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với 33.255.000 đồng tiền lãi (tính từ ngày 15/5/2016 đến ngày 15/8/2018 trên 147.800.000 đồng nợ gốc) của bà Trần Thị P đối với bà Trần Thị P1.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị P đối với bà Trần Thị P1. Buộc bà Trần Thị P1 trả một lần cho bà Trần Thị P 147.800.000 đồng nợ gốc.

3. Về án phí: Bà Trần Thị P1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.350.000 đồng. Hoàn trả cho bà P 4.902.675 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 6343 ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

4. Về nghĩa vụ chậm thanh toán: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành

án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND H.Hòa Vang;
- Chi cục THADS H.Hòa Vang;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ THỊ XUÂN PHƯƠNG